

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HS-ST

Ngày: 16-01-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Ông Lê Minh Chiến

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Mang Đức Kham là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Uyên T, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1991, tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965 (chết) và bà Lê Thị G, sinh năm 1966 (chết); vợ: Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1993; con: có một người con tên Nguyễn Phúc T3, sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16/10/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Mai Thị Mộng T4, sinh năm 1956 (Chết)

Người đại diện theo pháp luật của bị hại Mai Thị Mộng T4:

1. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1928

Nơi cư trú: Khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Ông Trần T5, sinh năm 1942

Nơi cư trú: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

4. Chị Trần Thị H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

5. Chị Trần Thị V, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

6. Chị Trần Thị S, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định.

7. Chị Trần Thị D, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của những người đại diện theo pháp luật của bị hại Mai Thị Mộng T4: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1977; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Nơi cư trú: Đ, khu vực V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Giấy cử người đại diện được Ủy ban nhân dân phường N chứng thực ngày 25 tháng 9 năm 2023.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lê Đ1, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1988; có mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/9/2023, Nguyễn Uyên T (có giấy phép lái xe hạng C theo quy định) điều khiển xe ô tô biển số 77C-099.46 chở cát xây dựng từ bãi cát T thuộc xã B, huyện T về đổ tại công trình thi công kênh mương tại phường N, thị xã A theo hướng Tây - Đông. Khi đến đoạn đường gần ngã tư thôn N, xã N, T điều khiển xe ô tô chạy với tốc độ khoảng 50km/h thấy biển báo nguy hiểm (giao nhau với đường không ưu tiên) được đặt bên phải đường theo chiều đi và các vạch gờ giảm tốc trên đường đi, nhưng không giảm tốc độ; khi đến ngã tư giao nhau thì Thuyền thấy xe mô tô biển số 77S3-5927 do bà Mai Thị Mộng T4, sinh năm: 1956, ở khu vực V, phường N, thị xã A điều khiển theo hướng Bắc - Nam cách khoảng 03m. Lúc này, T bóp còi cảnh báo và điều khiển xe ô tô chạy lách sang phần đường phía bên trái theo hướng Tây- Đ nhưng không kịp đã để phần cản phía trước đầu xe ô tô do T điều khiển va chạm vào toàn bộ phía bên trái xe mô tô do bà T4 điều khiển làm bà T4 té ngã trên mặt đường bị thương nặng được đưa đến Trung tâm y tế thị xã A cấp cứu; sau đó tử vong.

Bản Kết luận giám định tử thi số 314/2023/KLGĐTT-PYBĐ ngày 20/9/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B xác định nguyên nhân chết của bà Mai Thị Mộng T4 là do sốc đa chấn thương.

Vật chứng, tài liệu đồ vật thu giữ của vụ án bao gồm:

- 01 (một) xe mô tô BKS 77S3-5927;
- 01 (một) xe ô tô tải BKS 77C-09946;
- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 6216786 của xe ô tô BKS 77C-09946;
- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô 006463 của xe ô tô BKS 77C-09946;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả cho chủ sở hữu những đồ vật trên.

- 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C số 520228010376 của Nguyễn Uyên T;
- 01 (một) đoạn video ghi nhận nội dung vụ việc.

Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Uyên T trong quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại số tiền 150.000.000 đồng, được đại diện hợp pháp của bị hại viết giấy bãi nại trách nhiệm dân sự và miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 11 tháng 12 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Uyên T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

*** Về hình phạt:**

- Bị cáo Nguyễn Uyên T: là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã chủ động đến Cơ quan Công an để trình báo về hành vi phạm tội của mình, tích cực bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 150.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị hại cũng có một phần lỗi khi điều khiển xe mô tô không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, thiếu chú ý quan sát. Về phía đại diện bị hại chị Mai Thị Mộng T4 cũng có đơn xin bãi nại trách nhiệm dân sự và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s

khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 09 – 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách do Hội đồng xét xử quyết định.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị miễn xét.

*** Về xử lý vật chứng:** Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A trả lại cho chủ sở hữu các vật chứng gồm: 01 (một) xe mô tô BKS 77S3-5927; 01 (một) xe ô tô tải BKS 77C-09946; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 6216786 của xe ô tô BKS 77C-09946; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô 006463 của xe ô tô BKS 77C-09946.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C số 520228010376.

Lưu giữ cùng hồ sơ vụ án: 01 (một) đoạn video ghi nhận nội dung vụ việc.

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:** Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Uyên T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ án, phù hợp với Kết luận giám định pháp y và phù hợp với những chứng cứ khác đã được thu thập. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/9/2023, Nguyễn Uyên T (có giấy phép lái xe hạng C theo quy định) điều khiển xe ô tô biển số 77C-099.46 chở cát xây dựng từ bãi cát T thuộc xã B, huyện T về đổ tại công trình thi công kênh mương tại phường N, thị xã A theo hướng Tây - Đông. Khi đến đoạn đường gần ngã

tư thôn N, xã N, T điều khiển xe ô tô chạy với tốc độ khoảng 50km/h thấy biển báo nguy hiểm (giao nhau với đường không ưu tiên) được đặt bên phải đường theo chiều đi và các vạch gờ giảm tốc trên đường đi, nhưng không giảm tốc độ; khi đến ngã tư giao nhau thì Thuyền thấy xe mô tô biển số 77S3-5927 do bà Mai Thị Mộng T4, sinh năm: 1956, ở khu vực V, phường N, thị xã A điều khiển theo hướng Bắc - Nam cách khoảng 03m. Lúc này, T bóp còi cảnh báo và điều khiển xe ô tô chạy lách sang phần đường phía bên trái theo hướng Tây - Đ nhưng không kịp đã để phần cản phía trước đầu xe ô tô do T điều khiển va chạm vào toàn bộ phía bên trái xe mô tô do bà T4 điều khiển làm bà T4 té ngã trên mặt đường bị thương nặng được đưa đến Trung tâm y tế thị xã A cấp cứu, sau đó tử vong.

[3] Xét tại thời điểm phạm tội bị cáo là người đủ khả năng để nhận thức được việc không tuân thủ luật lệ giao thông sẽ gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác, nhưng bị cáo lại không tuân thủ để đảm bảo an toàn. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 23 Điều 8, khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ (Quy định cụ thể tại khoản 1, khoản 5 và khoản 11, Điều 5 Thông tư 31/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G1 vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới). Do đó bị cáo đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), được người đại diện hợp pháp của bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị hại cũng có một phần lỗi khi điều khiển xe mô tô không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, thiếu chú ý quan sát. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đã tích cực bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả tốt, được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo tuổi đời còn trẻ. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù có điều kiện và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 150.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại đã viết đơn bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Uyên T hạng C, số 520228010376, cấp ngày 22/7/2022 là của bị cáo nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Uyên T.

[8] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Uyên T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[9] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo; đề nghị xử lý vật chứng đều phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Căn cứ các Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Uyên T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Uyên T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/01/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Uyên T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và khoản 1 Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng vụ án: Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Uyên T 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Uyên T hạng hạng C, số 520228010376, cấp ngày 22/7/2022.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Uyên T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/01/2024). Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Công an thị xã An Nhơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh